

Số: 62/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hòa Bình đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Trên cơ sở Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, với các nội dung chủ yếu sau:

Năm 2017, trong bối cảnh chung của cả nước: Kinh tế có nhiều khởi sắc, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tổng vốn đầu tư nước ngoài, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đều tăng cao. Kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình có bước phát triển tích cực, có 23/24 chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt khoảng 9,46%; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 3.020 tỷ đồng; trong năm có thêm 06 xã về đích, nâng tổng số xã về đích nông thôn mới là 45 xã, trong đó số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 41 xã, trung bình 1 xã đạt 13,6 tiêu chí (*theo tiêu chí mới là 12 tiêu chí*); đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,82% (*còn khoảng 18,72%*); sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt được nhiều thành quả tích cực; hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch sôi nổi, phong phú; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được bảo đảm.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, môi trường đầu tư chưa được cải thiện nhiều, còn 01/24 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Phân bổ và giải ngân một số nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn chậm. Việc xử lý những dự án đầu tư không hiệu quả còn chậm; số lượng dự án và số vốn đầu tư đăng ký còn hạn chế, nhiều chỉ tiêu đạt thấp so với lộ trình Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Giải quyết việc làm chưa đạt mục tiêu, chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các khu vực sản xuất còn chậm. Công tác khám, chữa bệnh tuyến cơ sở còn hạn chế (*đặc biệt trong năm đã xảy ra sự cố y khoa nghiêm trọng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình làm 08 người tử vong*). Kết quả cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đứng ở vị trí thấp. Một số vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm, tội phạm về trật tự xã hội và tình hình tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan là do kinh tế thế giới tiếp tục ẩn chứa nhiều rủi ro, thách thức, giá nông sản, thực phẩm, nhất là giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão lũ gây thiệt hại nặng nề đến hạ tầng kỹ thuật và đời sống nhân dân. Bên cạnh đó nguyên nhân chủ quan là những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành của các cấp các ngành thiếu quyết liệt, chất lượng công vụ một số ngành, địa phương chưa cao có tác động không nhỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017.

Điều 2. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 với các nội dung như sau:

I. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế tỉnh. Tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư, quan tâm phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp. Chú trọng thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật; đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển văn hoá và thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

II. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu

1. Các chỉ tiêu kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế là 9,5%; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 13%; dịch vụ tăng 8,3%;

- 1.2. Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 19,86%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 49,04%; khu vực dịch vụ chiếm 31,1%;
- 1.3. GRDP bình quân đầu người 45 triệu đồng (tương đương 2.050 USD);
- 1.4. Tổng đầu tư toàn xã hội 13.260 tỷ đồng;
- 1.5. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 3.325 tỷ đồng;
- 1.6. Giá trị xuất khẩu đạt 610 triệu USD; giá trị nhập khẩu đạt 490 triệu USD;
- 1.7. Số doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập, hoạt động có hiệu quả tăng 20% so với năm 2017;
- 1.8. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm tăng dưới 5%;
- 1.9. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 20,97%;
- 1.10. Có 06 xã về đích nông thôn mới. Theo tiêu chí mới, số tiêu chí nông thôn mới trung bình trên 1 xã tăng 1 tiêu chí (đến hết năm 2018 trung bình 1 xã đạt 13 tiêu chí).

2. Các chỉ tiêu xã hội

- 2.1. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,1%;
- 2.2. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội 62,5%;
- 2.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53% (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 19,5%);
- 2.4. Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia 39%;
- 2.5. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng giảm xuống dưới 16,5%;
- 2.6. Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã): 24,5 giường;
- 2.7. Số bác sĩ/1 vạn dân: 8,45 bác sĩ;
- 2.8. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 94,78%.

3. Các chỉ tiêu môi trường

- 3.1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 91%;
- 3.2. Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý trong năm 2018 là 50%;
- 3.3. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý 92,5%;
- 3.4. Tỷ lệ chất thải rắn y tế xử lý đạt 95%;
- 3.5. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50%.

III. Một số cân đối chủ yếu

1. Lao động và việc làm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng 590.800 người, chiếm 69,8% quy mô dân số toàn tỉnh. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế dự kiến khoảng 543.000 người, chiếm khoảng 91,9% lao động trong độ tuổi.

Cơ cấu lao động trong các ngành: Lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 62,5%; phi nông nghiệp chiếm 37,5%.

Giải quyết việc làm mới cho khoảng 16.000 người, trong đó: Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài khoảng 300 người; lao động được giải quyết việc làm trong nước 15.700 người. Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị ở mức dưới 3%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3.325 tỷ đồng, tăng 305 tỷ so với ước thực hiện năm 2017. Tổng thu ngân sách địa phương 10.317.219 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương 10.317.219 triệu đồng.

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 12.965 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2017 và bằng khoảng 35% GRDP. Nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 2.988,472 tỷ đồng, chiếm khoảng 23% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, trong đó nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách và nguồn vốn khác do địa phương quản lý là 1.090,59 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu 279 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án biến đổi khí hậu 102 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg 144,381 tỷ đồng; nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia 353,201 tỷ đồng; nguồn vốn nước ngoài (ODA) 384,5 tỷ đồng; nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 565,5 tỷ đồng; nguồn vốn trái phiếu chính phủ dự phòng giai đoạn 2012-2015 69,3 tỷ đồng.

4. Cân đối xuất, nhập khẩu

Năm 2018, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu dự kiến đạt 1.100 triệu USD, trong đó xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ ước đạt 610 triệu USD, tăng 20,79% so với năm 2017; nhập khẩu ước đạt 490 triệu USD, tăng 18% so với năm 2017.

IV. Một số giải pháp chủ yếu

1. Về phát triển kinh tế

Triển khai hiệu quả các giải pháp chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, đồng thời triển khai thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 30/5/2017 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế - phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong tái cơ cấu lại nền kinh tế gồm: (i) Thực hiện cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; (ii) Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công; (iii) Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư; ban hành và phổ biến các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh. Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa doanh nghiệp và chính quyền tỉnh với nhiều hình thức, đa dạng về chủ đề, phổ biến các chính sách mới của Nhà nước, giải thích và giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp.

Xây dựng đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, lựa chọn sắp xếp thứ tự ưu tiên và đánh giá hiệu quả sau đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Ưu tiên đầu tư các dự án quan trọng của tỉnh, các dự án đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân.

Đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ, vốn xổ số kiến thiết) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

2. Về phát triển nông nghiệp

Nghiên cứu điều chỉnh đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng gắn với xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; chuyển mạnh sang sản xuất nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và môi trường sinh thái, phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương; đồng thời, tích cực tham gia để đưa một số sản phẩm chủ lực của tỉnh vào Chương trình xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam.

Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch: Xây dựng vùng sản xuất tập trung cây có múi như cam, quýt, bưởi; phát triển sản xuất cây dược liệu, cây công nghiệp và rau hữu cơ; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo vườn tạp thành những vườn cây có giá trị kinh tế cao.

Chuyển đổi mô hình chăn nuôi theo hướng chăn nuôi trang trại tập trung, công nghệ cao, đồng bộ, theo chuỗi giá trị gắn với thị trường. Trong đó tập trung phát triển bò sữa, bò thịt, lợn bản địa, gà đồi, các loại cá có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích nhân dân tham gia trồng, bảo vệ, khai thác rừng trồng một cách hợp lý và hiệu quả.

Triển khai hiệu quả các nội dung về “tam nông”, mô hình “liên kết bốn nhà”. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế tập thể, nòng cốt là nhóm hộ gia đình và hợp tác xã kiểu mới với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các chuỗi giá trị với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân. Thúc đẩy toàn diện việc áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp.

Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung huy động các nguồn lực của địa phương, lồng ghép với các nguồn vốn của Trung ương và các nguồn xã hội hóa để nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng nông thôn mới, ưu tiên cho những xã có khả năng hoàn thành tiêu chí nông thôn mới trong năm 2018.

Phấn đấu tổng giá trị sản phẩm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

tăng trưởng 4,5%; diện tích cây ăn quả có múi đạt 8,5 nghìn ha, sản lượng trên 10 vạn tấn; có thêm 6 xã về đích nông thôn mới, nâng tổng số xã về đích nông thôn mới lên 51 xã, trung bình mỗi xã đạt 13 tiêu chí.

3. Về phát triển công nghiệp

Tập trung thực hiện các giải pháp đưa công nghiệp trở thành khâu đột phá để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/12/2015 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Sản phẩm giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 đạt 31.651 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2017.

Đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm. Rà soát, điều chỉnh chính sách phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Từng bước xây dựng danh mục các sản phẩm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ phù hợp với lợi thế của địa phương nhằm tăng năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng ngành khai thác, tăng tỷ trọng ngành chế biến và chế biến sâu tạo ra sản phẩm tinh, sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng.

Tập trung vận động, thu hút được một số doanh nghiệp lớn để tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh, từ đó mang lại tác động lan tỏa, lôi cuốn các doanh nghiệp khác vào đầu tư, sản xuất kinh doanh. Thu hút, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, may mặc, công nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng không nung, công nghiệp sản xuất bia, rượu, nước giải khát nhằm tạo thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Khuyến khích phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn, công nghiệp chế biến nông sản (rau, củ, quả).

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, quan tâm đầu tư kết nối hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp; xây dựng thêm cụm công nghiệp dệt may. Nâng tỷ lệ lấp đầy diện tích các khu công nghiệp: Mông Hóa, Yên Quang từ 30% trở lên; khu công nghiệp Nam Lương Sơn từ 70% trở lên; riêng Khu công nghiệp Lương Sơn và Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà đạt 100%; đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt tạo 50 ha đất sạch tại Khu công nghiệp Mông Hóa, tiếp tục hỗ trợ đầu tư giao thông khu công nghiệp Yên Quang, thúc đẩy đầu tư nhanh hạ tầng khu công nghiệp Lạc Thịnh.

Tăng cường tiếp xúc, nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là khó khăn về vốn, mặt bằng và đổi mới mới công nghệ, đầu tư chiều sâu để tăng năng lực sản xuất của ngành công nghiệp.

Tiếp tục thúc đẩy triển khai đầu tư cải tạo lưới điện, đảm bảo cung ứng điện một cách tốt nhất với chất lượng phục vụ ngày càng cao đáp ứng nhu cầu thiết yếu sản xuất và đời sống của người dân.

4. Về phát triển dịch vụ

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động để nâng tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng cao trong ngành dịch vụ⁽¹⁾, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tích cực; phát huy lợi thế của tỉnh, phát triển nhanh, hiệu quả một số ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ khác hỗ trợ kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thương mại giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển các loại hình thương mại văn minh, hiện đại.

Chú trọng đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị tại các đô thị và các địa bàn trọng điểm có đông dân cư. Tăng cường liên kết phát triển thị trường với vùng Thủ đô và vùng Tây Bắc. Tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp và các đơn vị có thị phần phân phối lớn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp bình ổn thị trường nhằm bảo đảm ổn định thị trường giá cả, không để tăng giá đột biến, đảm bảo các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân đặc biệt đối với đồng bào ở vùng sâu, vùng xa. Tăng cường quản lý thị trường, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi gian lận thương mại. Tích cực triển khai sâu rộng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.

Tập trung ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Tập trung, ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, sự kiện, nghỉ dưỡng, tâm linh,... thành sản phẩm du lịch chủ lực của tỉnh nhằm thu hút du khách, tăng độ dài lưu trú và mức chi tiêu của du khách. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, khai thác vùng hồ sông Đà gắn với phát triển du lịch đường thủy, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và các loại hình du lịch thân thiện với môi trường. Phần đầu năm 2018, tỉnh Hoà Bình đón khoảng 2.550.000 lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế 310.000 lượt; khách nội địa 2.240.000 lượt.

5. Điều hành dự toán ngân sách

Thực hiện chủ trương sử dụng ngân sách đảm bảo mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; chống lãng phí và tiêu cực ngay từ khâu lập dự toán; xây dựng dự toán thu, chi ngân sách

¹ Ngành dịch vụ chủ yếu trong cơ cấu kinh tế Tỉnh: (1) Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; (2) Thương mại; (3) Du lịch; (4) Dịch vụ vận tải; (5) Bưu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; (6) Kinh doanh tài sản, bất động sản; (7) Y tế; (8) Giáo dục - Đào tạo

theo tinh thần tích cực, triệt để tiết kiệm, từng bước thực hiện chủ trương tăng chi đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế. Tập trung đẩy nhanh thủ tục hành chính về đầu giá đất, giao đất có thu tiền, các dự án cho thuê đất; đơn đốc thu nộp ngân sách các khoản thu từ đất. Tăng cường kiểm tra, thanh tra thuế, chống thất thu, chuyển giá. Tăng cường công tác quản lý nợ đọng thuế, thực hiện cưỡng chế nợ thuế.

6. Về xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển bền vững

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 17/12/2012 của Tỉnh ủy; đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2030 định hướng đến năm 2030 đã được Tỉnh ủy thông qua và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 29/12/2016.

Rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quy hoạch hạ tầng giao thông, điện, nước, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, thu gom và xử lý chất thải; xây dựng mới quy hoạch xây dựng hai bên tuyến đường cao tốc Hòa Lạc - thành phố Hòa Bình nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, đồng tạo nguồn vốn để phát triển kết cấu hạ tầng.

Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư phát triển vùng động lực, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, giao thông nông thôn; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu, điểm du lịch quốc gia; từng bước đầu tư kiên cố hóa các đập thủy lợi, hệ thống kênh mương chính đảm bảo nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện và phát triển hạ tầng và không gian nông thôn. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

7. Về phát triển văn hoá, xã hội

a) Về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục tại các cấp học, bậc học, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập nhằm phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên; củng cố, phát triển giáo dục thường xuyên, mở rộng hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân; chú trọng phát triển, nâng cao trình độ tiếng Anh trong nhà trường.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng mới, mở rộng mạng lưới trường lớp theo quy hoạch; tăng cường cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị, đồ dùng dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ

năng sống. Tiếp tục thực hiện đồng bộ phần mềm quản lý nhà trường, đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục có đường truyền internet tốc độ cao. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra giáo dục; đặc biệt quan tâm các nhóm ôp độc lập tự thực giáo dục mầm non trên địa bàn; giám sát chặt quản lý thu, chi tại các cơ sở giáo dục.

b) Về phát triển văn hóa, xây dựng con người

Xây dựng nền văn hóa và con người tỉnh Hòa Bình phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, đồng thời mang nét đặc trưng của văn hóa các dân tộc thiểu số. Tập trung đầu tư những công trình văn hóa trọng điểm mang tính biểu trưng và có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với phong trào xây dựng nông mới, hướng cuộc vận động về cơ sở, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

Tiếp tục nâng cấp, phát triển và đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; nghiên cứu sâu những đặc trưng của truyền thống văn hóa các dân tộc trong tỉnh, giới thiệu rộng rãi các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể kể cả ở trong nước và ở nước ngoài, gắn kết với hoạt động du lịch.

Tập trung đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao, mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện các vận động viên tham gia các giải thể thao thành tích cao nhằm góp phần từng bước nâng cao thể chất của con người.

Đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số; giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc trên địa bàn tỉnh.

c) Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng, xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh, cung cấp trang thiết bị cho bệnh viện tuyến huyện. Thúc đẩy triển khai xây dựng khu khám bệnh chất lượng cao theo hình thức PPP.

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao y đức. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh, kết hợp giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại.

Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; tình trạng tảo hôn; mở rộng sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; bảo đảm hậu cần đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, triển khai các giải pháp nhằm hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ và trẻ em.

Đảm bảo cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt việc đấu thầu tập trung, đàm phán giá thuốc.

Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển y tế ngoài công lập và hợp tác công tư. Có giải pháp ngăn chặn và xử lý tình trạng lạm dụng và trục lợi quỹ bảo hiểm y tế. Phát triển hệ thống thông tin y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khỏe.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách về việc làm; thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo nhân lực, thị trường lao động phục vụ định hướng nghề nghiệp cho lực lượng lao động vừa bước vào độ tuổi lao động, gắn kết cung - cầu lao động theo nhu cầu của xã hội. Phấn đấu đến cuối năm 2018, giải quyết việc làm mới cho 16.000 lượt lao động. Đa dạng hóa các kênh giới thiệu và giải quyết việc làm, kết nối cung cầu lao động thông qua các hoạt động sàn giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm, ngày hội nghề nghiệp. Gắn hoạt động đào tạo nghề với giải quyết việc làm thông qua các trường nghề, trung tâm giáo dục nghề.

Xây dựng và triển khai đề án đào tạo nhân lực đặc biệt là đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” giai đoạn 2016 – 2020; dự án đổi mới dạy nghề được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định 826/QĐ-BLĐTBXH.

Tiếp tục vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong việc tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, giảm thời gian thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp và đối tượng tham gia, thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho việc tham gia và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội kịp thời, chính xác, đúng quy định.

Thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Triển khai có hiệu quả các chương trình, giải pháp giảm nghèo góp phần hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên trong cuộc sống. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo; y tế; việc làm và bảo hiểm xã hội; điều kiện sống; tiếp cận thông tin) nhằm cải thiện, nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo và đảm bảo giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác xác nhận và chi trả trợ cấp, phụ cấp, cho diện chính sách; hướng dẫn giải quyết hồ sơ tồn đọng các dạng và công tác đăng ký quản lý, lưu trữ hồ sơ người có công. Duy trì và phát huy tích cực các phong trào vận động đền ơn đáp nghĩa trong toàn xã hội, nhằm tạo điều kiện chăm lo tốt hơn cho đời sống các gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo quy định tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, dạy nghề,... theo hướng cung cấp ở mức độ cao hơn, phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Duy trì việc xác định chỉ số cải cách hành chính và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để làm căn cứ cho việc xét khen thưởng và đánh giá, phân loại người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương các bộ công chức, viên chức trong triển khai thực hiện công vụ. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức tiêu cực, những người, không chấp hành kỷ luật, kỷ cương. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của đơn vị mình được phân công phụ trách.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; minh bạch, công khai thủ tục hành chính và tình hình giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, qua phần mềm điện tử một cửa tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện.

Thực hiện kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan nhà nước trong việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật khiếu nại, luật tố cáo, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại một số cơ quan, đơn vị.

9. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vững chắc, tăng cường công tác đối ngoại

Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh của toàn dân, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; các phần tử cực đoan chống phá, gây mất ổn định chính trị, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ đối với các cơ quan đơn vị. Bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị trọng đại trên địa bàn tỉnh, thường xuyên tổ chức luyện tập theo phương án, duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Bên cạnh đó, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

Tăng cường bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh an toàn thông tin mạng. Tăng cường công tác phòng, chống khủng bố. Chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ các mục tiêu, các sự kiện quan trọng, hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh. Tăng cường công tác tuần tra mật phục, tập trung vào các tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội và các địa bàn giáp ranh và địa bàn cần chuyển hóa.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy giai đoạn 2016-2020.

Tăng cường tiếp xúc và làm việc với các tổ chức quốc tế, đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân; kêu gọi, vận động và quản lý chặt chẽ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ vào tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

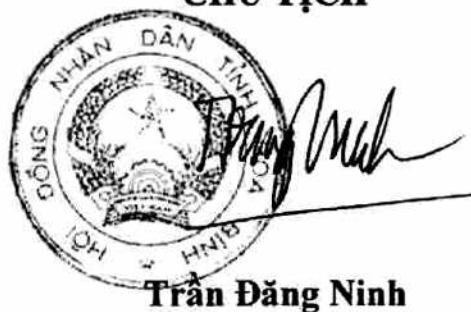
1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (06).

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh